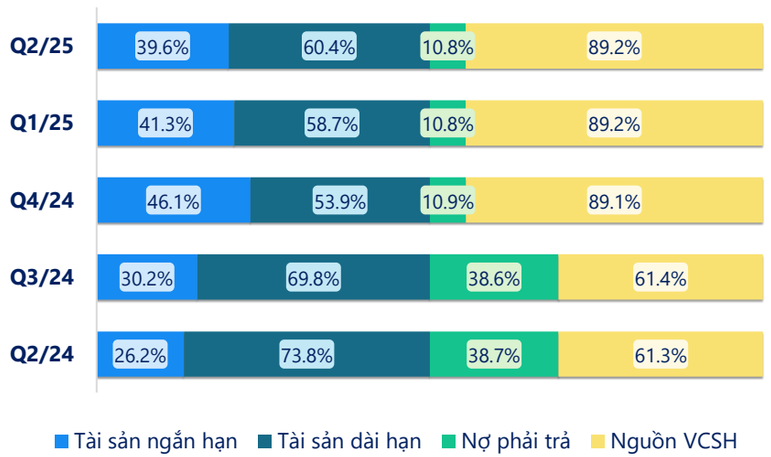
FireAnt

CTCP Đầu tư PV2 (HNX: PV2)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	2,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,200
SL cổ phiếu LH	36,868,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	161,900
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	92
P/E	-4.5
EPS	-551

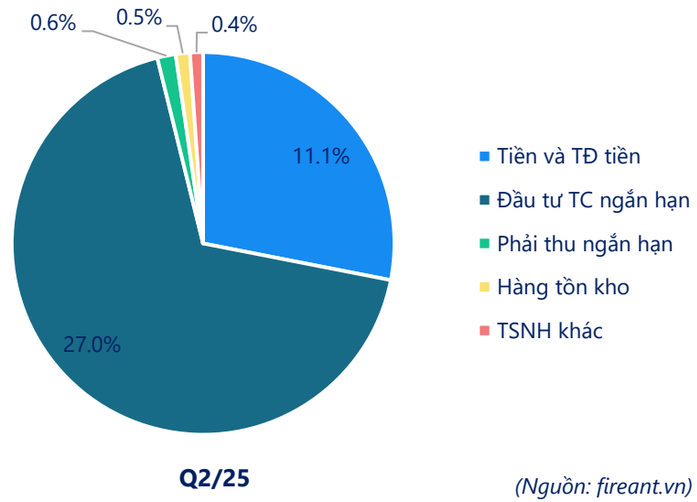
	YTD	1T	3T	6T
PV2	0.0%	-3.8%	-16.7%	0.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



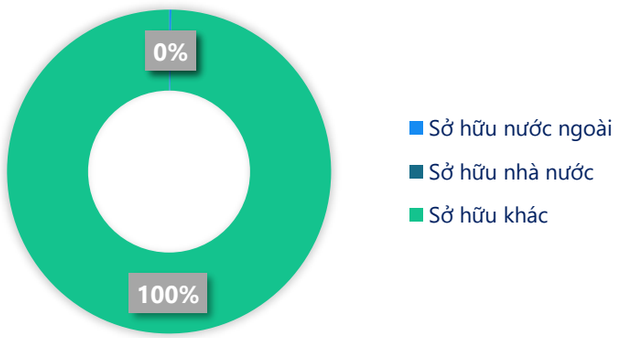
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



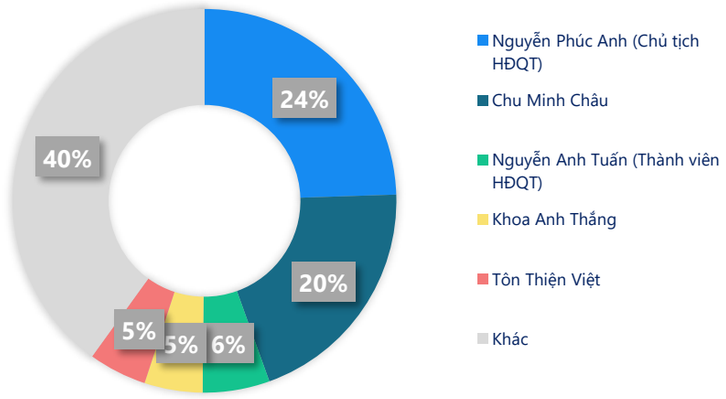
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



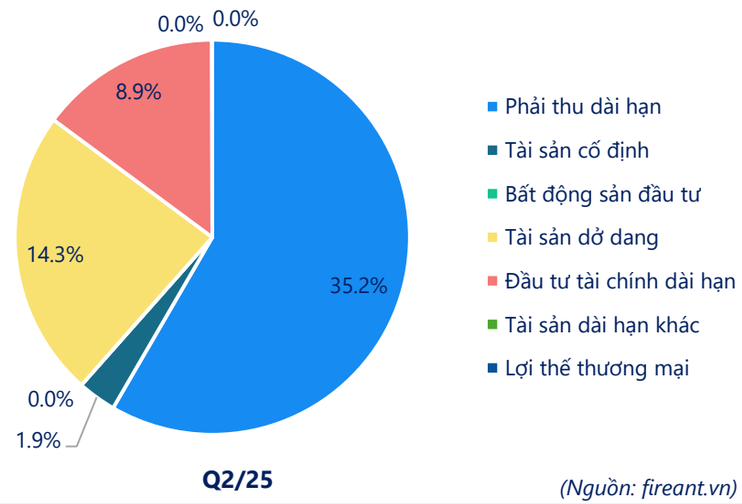
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

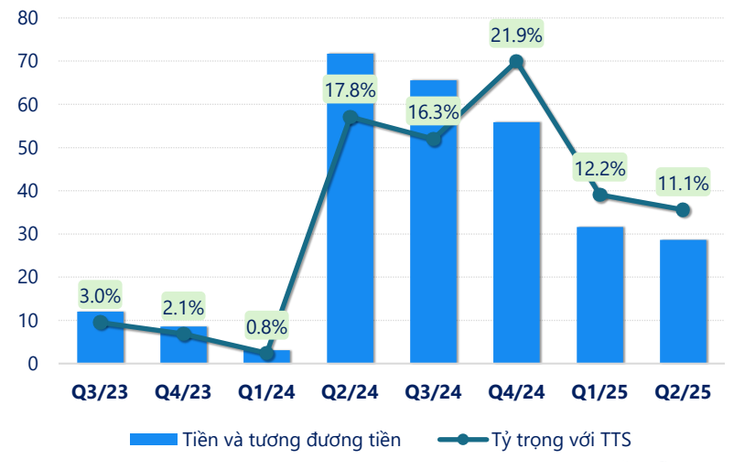


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

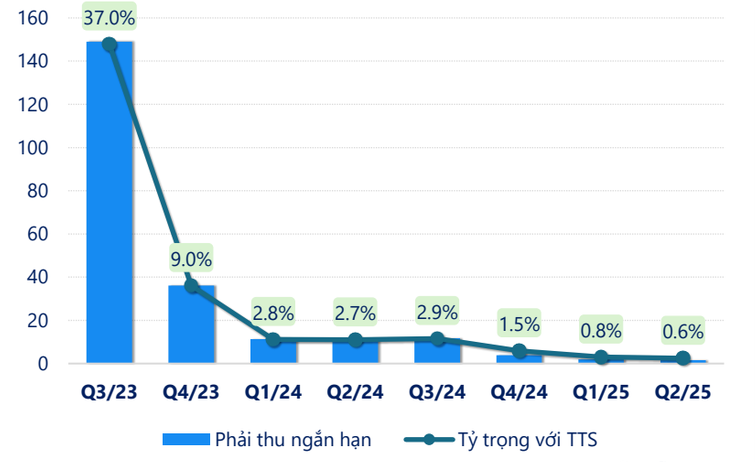
CTCP Đầu tư PV2 (HNX: PV2)

Tiền và tương đương tiền



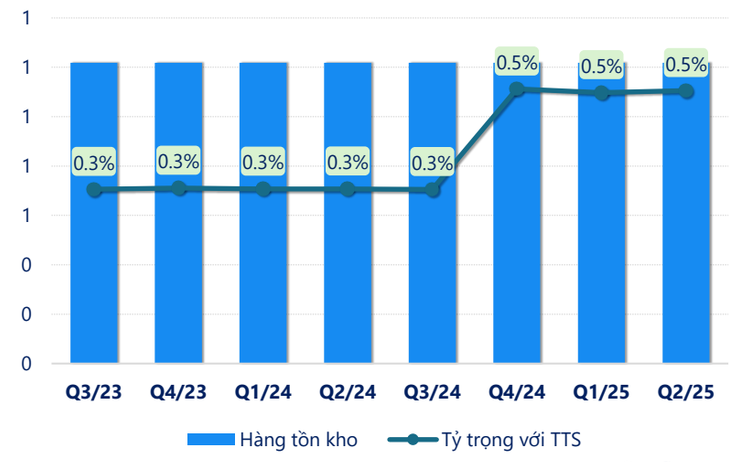
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



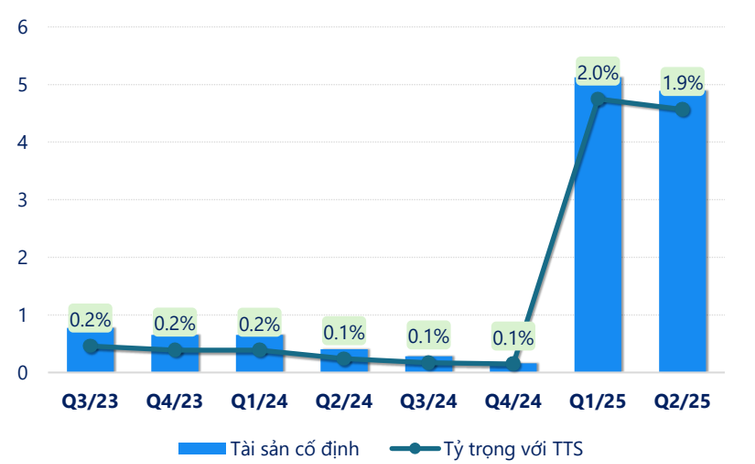
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



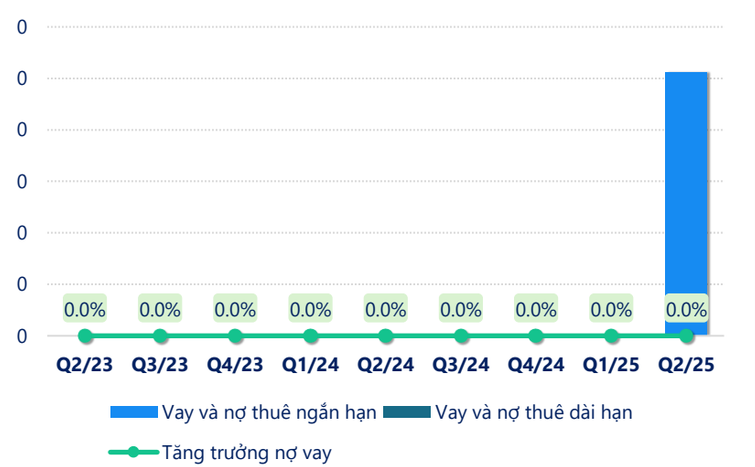
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



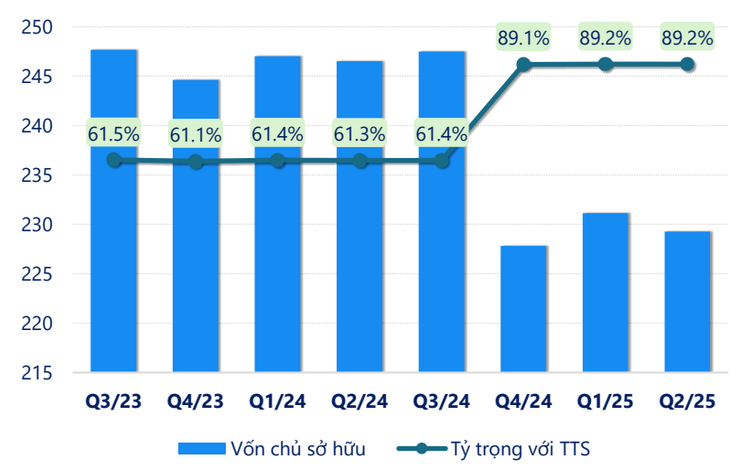
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

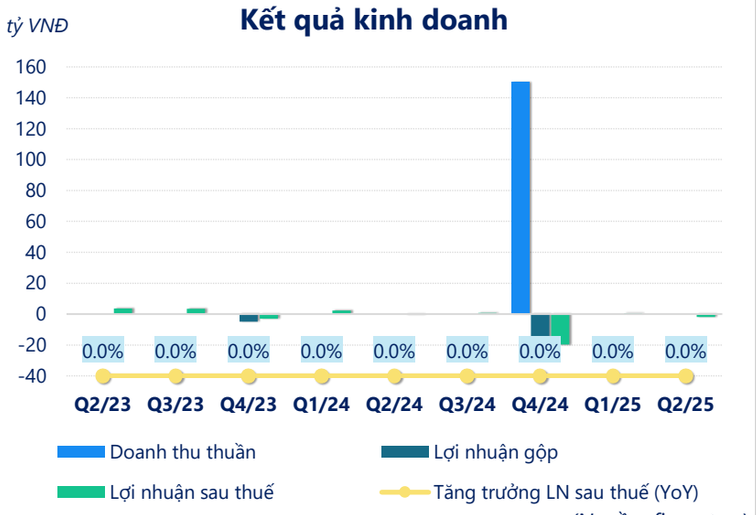
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

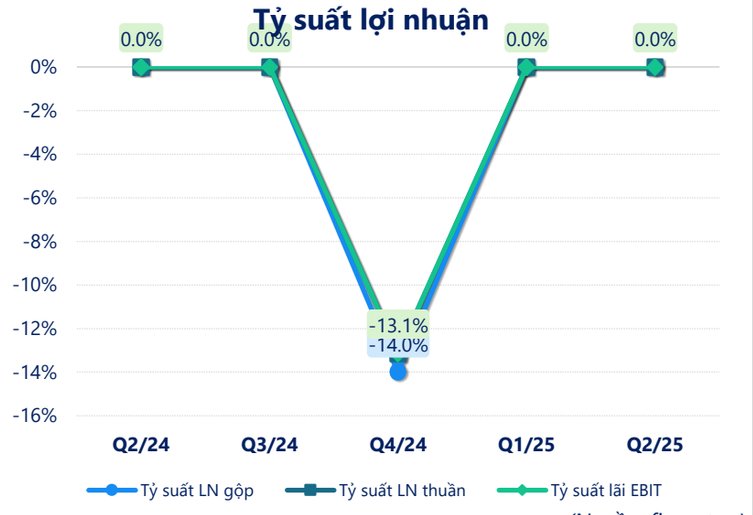
CTCP Đầu tư PV2 (HNX: PV2)

Kết quả kinh doanh



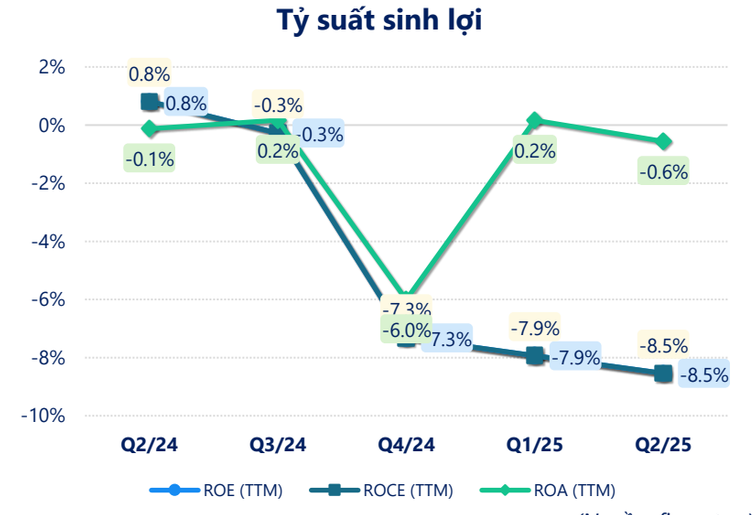
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



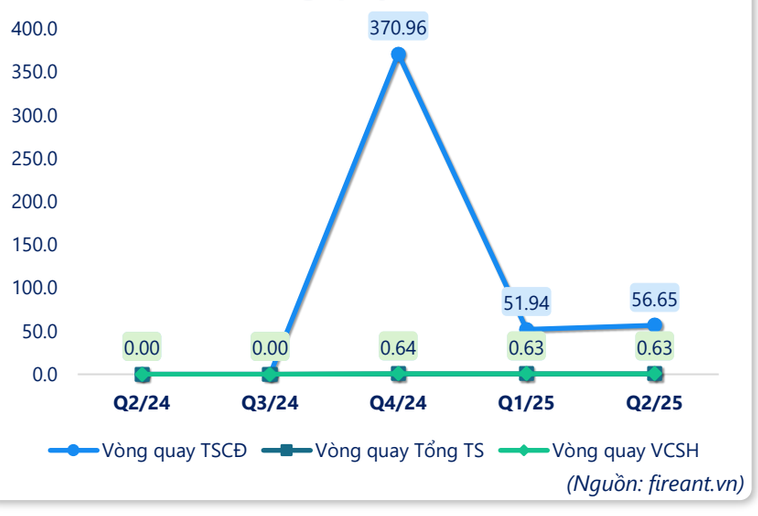
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



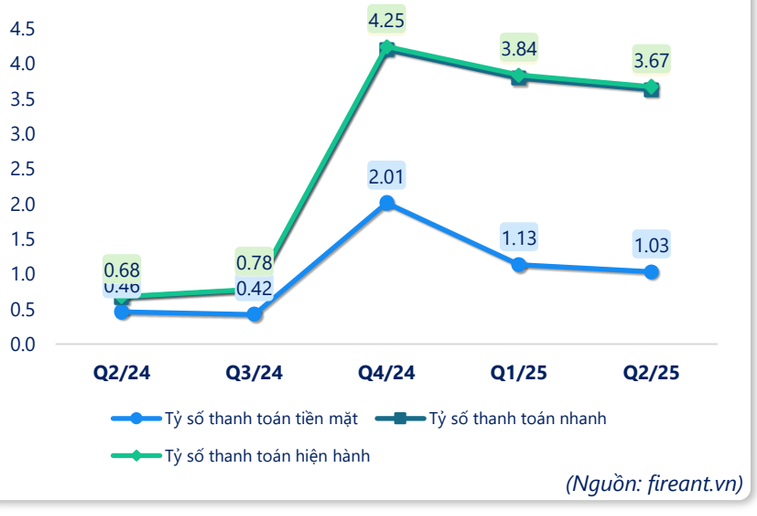
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



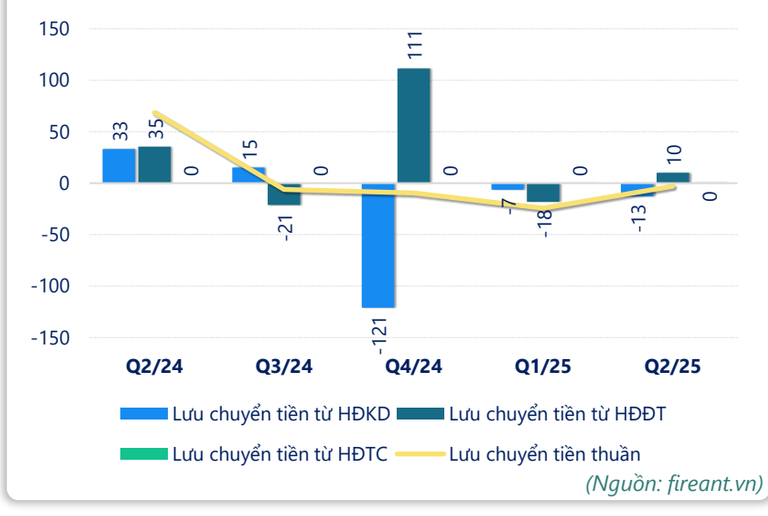
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư PV2 (HNX: PV2)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**257**	**259**	**-0.7%**
Tài sản ngắn hạn	102	118	-13.6%
Tiền và tương đương tiền	28.6	55.9	-48.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	69.3	56.4	22.9%
Phải thu ngắn hạn	1.59	3.77	-58.0%
Hàng tồn kho	1.22	1.22	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.12	0.56	98.6%
Tài sản dài hạn	**155**	**141**	**10.1%**
Phải thu dài hạn	90.6	83.4	8.6%
Tài sản cố định	4.89	0.16	2999%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	36.6	36.4	0.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	23.0	20.8	10.3%
Tài sản dài hạn khác	**0.06**	**0.09**	**-39.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	27.7	28.2	-1.8%
Nợ ngắn hạn	**27.7**	**28.2**	**-1.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.01	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.03	0.02	60.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**229**	**231**	**-0.6%**
Vốn chủ sở hữu	**229**	**231**	**-0.6%**
Vốn điều lệ	374	374	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	0	0	150	0	0
Giá vốn hàng bán	0	0	171	0	0
Lợi nhuận gộp	0	0	-21.0	0	0
Doanh thu HĐTC	3.03	2.68	4.16	2.15	1.40
Chi phí TC	1.63	-0.13	1.07	-0.45	0.92
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0.00
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.90	2.13	1.78	2.06	2.31
LN thuần từ HĐKD	-0.51	0.68	-19.7	0.55	-1.84
Lợi nhuận khác	0	0	0	0	-0.01
LN trước thuế	-0.51	0.68	-19.7	0.55	-1.85
Lợi nhuận sau thuế	-0.51	0.68	-19.7	0.55	-1.85
LNST của CĐ cty mẹ	-0.51	0.68	-19.7	0.55	-1.85

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	33.2	15.1	-121	-6.50	-12.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	35.4	-21.3	111	-18.0	10.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0.22	-0.23
Tiền đầu kỳ	3.05	71.7	65.5	55.9	31.6
Lưu chuyển tiền thuần	**68.6**	**-6.15**	**-9.65**	**-24.3**	**-2.99**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	71.7	65.5	55.9	31.6	28.6

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic